

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, bao gồm: nhiệm vụ; chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với chức danh giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm giáo viên thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và giáo viên giữ chức vụ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong cơ sở giáo dục mầm non.

3. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nhiệm vụ của giáo viên mầm non

1. Đối với hạng III

a) Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhóm, lớp được phân công phụ trách theo Chương trình giáo dục mầm non;

N

b) Thực hiện công tác giáo dục hòa nhập và quyền trẻ em; tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, hạnh phúc, bảo vệ sức khỏe tinh thần cho trẻ em;

c) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do cơ quan có thẩm quyền tổ chức và thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn;

d) Làm đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em phù hợp chương trình giáo dục; bảo quản và sử dụng thiết bị giáo dục được giao;

đ) Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em (sau đây gọi chung là cha mẹ trẻ em) và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tham gia một số hoạt động gắn kết với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương;

e) Thực hiện nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật, ngành Giáo dục, nhà trường và địa phương;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công hoặc các cấp có thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên mầm non và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với hạng II

Giáo viên mầm non hạng II phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ sau:

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

b) Đề xuất các chủ trương, biện pháp, nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của tổ chuyên môn và nhà trường, cụm chuyên môn (nếu có);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi cấp học mầm non từ cấp trường trở lên;

d) Tham mưu, đề xuất hoặc tham gia tư vấn xây dựng các quy định nội bộ của nhà trường; về định hướng phát triển giáo dục của đơn vị;

đ) Tham gia các hoạt động chuyên môn khác như hội đồng tự đánh giá hoặc đoàn đánh giá ngoài; kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên (nếu có);

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công hoặc các cấp thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên mầm non hạng II và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với hạng I

Giáo viên mầm non hạng I phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ sau:

- a) Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non từ cấp trường trở lên;
- b) Chủ trì bồi dưỡng hoặc tham mưu, đề xuất hoặc tư vấn, hỗ trợ, dẫn dắt, chia sẻ về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên mầm non từ cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến kinh nghiệm (nếu có);
- c) Tham gia ban giám khảo các hội thi của cấp học mầm non từ cấp xã trở lên; chủ trì xây dựng các tiêu chí đánh giá cho các hội thi về chuyên môn của cấp mầm non tại địa phương;
- d) Tham gia hội đồng tư vấn của cơ sở giáo dục; tham gia hội đồng tự đánh giá hoặc đoàn đánh giá ngoài hoặc kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp xã trở lên; tham gia xây dựng các chính sách, chương trình phát triển giáo dục mầm non của ngành khi có yêu cầu;
- đ) Chủ trì xây dựng và tập huấn quy trình bảo đảm an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích cho toàn đơn vị hoặc cụm chuyên môn; nghiên cứu và ứng dụng các mô hình giáo dục tiên tiến vào thực tiễn cơ sở giáo dục, địa phương;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công hoặc các cấp thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên mầm non hạng I và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON

Điều 4. Tiêu chuẩn về đạo đức

1. Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương.
2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước trẻ em và cộng đồng. Đảm bảo tính trung thực, minh bạch trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
3. Yêu nghề, thương yêu trẻ em; biết quản lý cảm xúc; đối xử công bằng, tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; có tinh thần đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.
4. Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo; tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với hạng III và hạng II

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2. Đối với hạng I

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non và có bằng cử nhân trở lên các ngành thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Điều 6. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

1. Đối với hạng III

a) Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em: Thực hiện được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc hằng ngày cho trẻ em (ăn, ngủ, vệ sinh, an toàn) theo quy trình đã hướng dẫn; nhận biết được những biểu hiện bất thường về sức khỏe của trẻ em; dự báo được các nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em trong môi trường giáo dục và báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền; thể hiện thái độ chu đáo, trách nhiệm trong nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ trẻ em;

b) Bảo đảm an toàn cho trẻ em: Nắm vững các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ em;

c) Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục: Xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường;

d) Tổ chức hoạt động giáo dục: Thực hiện được các phương pháp, hình thức giáo dục đơn giản lấy trẻ em làm trung tâm; tổ chức được các hoạt động giáo dục theo kế hoạch sẵn có; bước đầu biết ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em;

đ) Đánh giá sự phát triển của trẻ em: Sử dụng được công cụ đánh giá cơ bản theo hướng dẫn chung;

e) Xây dựng môi trường giáo dục: Xây dựng được môi trường học tập, vui chơi bảo đảm an toàn, thân thiện;

g) Giao tiếp với trẻ em: Tạo được không khí giao tiếp thân thiện, rõ ràng, phù hợp với độ tuổi của trẻ em; biết lắng nghe và khuyến khích trẻ giao tiếp đúng;

h) Giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp: Thể hiện được thái độ tôn trọng, hòa nhã trong giao tiếp; hợp tác được với đồng nghiệp trong các hoạt động của tổ nhóm chuyên môn;

i) Giao tiếp, hợp tác với cha mẹ trẻ em và cộng đồng: Thực hiện được các hoạt động phối hợp với cha mẹ trẻ em và cộng đồng theo kế hoạch nhà trường để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Cung cấp được thông tin cơ bản về trẻ em và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; giữ được thái độ lịch sự, tôn trọng trong giao tiếp;

k) Năng lực số, năng lực ngoại ngữ: Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

l) Năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp: Có năng lực tự học, cập nhật các kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Đối với hạng II

a) Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em: Tổ chức và điều chỉnh được chế độ sinh hoạt khoa học, phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu phát triển của trẻ; phối hợp hiệu quả với cha mẹ trẻ em trong việc chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe và rèn luyện thói quen tự phục vụ cho trẻ em; xử lý linh hoạt các tình huống khẩn cấp thông thường; thể hiện được thái độ kiên nhẫn, tận tâm và biết khích lệ trẻ em hình thành thói quen tốt;

b) Bảo đảm an toàn cho trẻ em: Dự đoán và phòng tránh được các nguy cơ mất an toàn cho trẻ em trong mọi tình huống; hướng dẫn được đồng nghiệp trong việc nhận biết và xử lý các biểu hiện sức khỏe bất thường của trẻ em;

c) Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục: Xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục trên cơ sở vận dụng linh hoạt, cụ thể hóa mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non theo đặc điểm của từng nhóm/lứa tuổi;

d) Tổ chức hoạt động giáo dục: Phối hợp được nhiều phương pháp, hình thức phù hợp từng cá nhân trẻ em; vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức hoạt động cho trẻ em; điều chỉnh được nội dung và phương pháp phù hợp với đặc điểm từng nhóm/lớp;

đ) Đánh giá sự phát triển của trẻ em: Vận dụng linh hoạt các phương pháp đánh giá phù hợp với từng trẻ em, phân tích được kết quả để điều chỉnh kế hoạch giáo dục;

e) Xây dựng môi trường giáo dục: Thiết kế được môi trường giáo dục mở, phong phú, kích thích trẻ em trải nghiệm, khám phá;

g) Giao tiếp với trẻ em: Linh hoạt điều chỉnh cách giao tiếp theo đặc điểm cá nhân của từng trẻ em; xử lý được tình huống giao tiếp khó. Khuyến khích trẻ bộc lộ cảm xúc và thể hiện bản thân;

h) Giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp: Chủ động chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp trong công việc; phối hợp hiệu quả trong tổ chức hoạt động giáo dục;



i) Giao tiếp, hợp tác với cha mẹ trẻ em và cộng đồng: Tạo dựng được mối quan hệ tin cậy, hợp tác với cha mẹ trẻ em; trao đổi hiệu quả về sự phát triển của trẻ em; tư vấn cho cha mẹ trẻ em về phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình; chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng trong một số hoạt động giáo dục; biết huy động, vận dụng nguồn lực xã hội phát triển nhà trường;

k) Năng lực số, năng lực ngoại ngữ: Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

l) Năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp: Có năng lực tự tìm hiểu tài liệu, học hỏi kinh nghiệm, cải tiến các hoạt động giáo dục và năng lực thích ứng với sự thay đổi trong môi trường giáo dục. Có sáng kiến, giải pháp chuyên môn áp dụng hiệu quả trong nhà trường. Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp xã trở lên trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Đối với hạng I

a) Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em: Thiết kế và triển khai được kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng cá nhân hóa cho từng trẻ em, bao gồm cả trẻ em có nhu cầu đặc biệt; hướng dẫn được đồng nghiệp đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em; chủ động phối hợp với chuyên gia, cơ sở y tế, dinh dưỡng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em; thể hiện được vai trò gương mẫu, sáng tạo và dẫn dắt trong việc đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em;

b) Bảo đảm an toàn cho trẻ em: Tổ chức được các hoạt động bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm xử lý tình huống có nguy cơ mất an toàn cho đồng nghiệp của đơn vị hoặc cụm chuyên môn;

c) Xây dựng kế hoạch giáo dục: Phát triển, điều chỉnh, thực hiện được kế hoạch giáo dục trên cơ sở vận dụng, phát triển mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non phù hợp xu thế đổi mới giáo dục mầm non trên thế giới và trong khu vực và bối cảnh thực tiễn; nghiên cứu và ứng dụng hiệu quả các mô hình giáo dục tiên tiến; hướng dẫn được đồng nghiệp triển khai thực hiện;

d) Tổ chức hoạt động giáo dục: Thể hiện được sự sáng tạo, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; vận dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục tiên tiến; hướng dẫn được đồng nghiệp trong việc tổ chức hoạt động giáo dục;

đ) Đánh giá sự phát triển của trẻ em: Xây dựng được công cụ, sáng kiến riêng để đánh giá sự phát triển của trẻ em phù hợp với thực tiễn và hướng dẫn, hỗ trợ được đồng nghiệp sử dụng, triển khai rộng rãi;

e) Xây dựng môi trường giáo dục: Xây dựng được mô hình, định hướng cải tiến môi trường giáo dục; hỗ trợ được đồng nghiệp để lan tỏa và nhân rộng mô hình;

g) Giao tiếp với trẻ em: Tạo dựng được môi trường giao tiếp tích cực, phát triển ngôn ngữ và cảm xúc xã hội cho trẻ em; tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao kỹ năng giao tiếp với trẻ em;

h) Giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp: Thể hiện được vai trò của người kết nối, thúc đẩy tinh thần hợp tác, được đồng nghiệp tin tưởng, tham gia xây dựng được văn hóa học tập tích cực trong nhà trường;

i) Giao tiếp, hợp tác với cha mẹ trẻ em và cộng đồng: Xây dựng được mô hình kết nối hiệu quả giữa nhà trường, gia đình, xã hội; chủ động giải quyết hiệu quả các tình huống phức tạp, nhạy cảm với cha mẹ trẻ em và cộng đồng; hướng dẫn, hỗ trợ được đồng nghiệp tổ chức các hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường; xây dựng, điều phối được các hoạt động liên kết nhà trường - gia đình - xã hội; thực hiện được các chương trình hợp tác giáo dục ở quy mô rộng;

k) Năng lực số, năng lực ngoại ngữ: Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

l) Năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp: Tích cực, chủ động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; có khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên mầm non cốt cán. Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp xã trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp tỉnh trở lên về hoạt động chuyên môn.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên mầm non hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được cấp trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định của pháp luật được xác định tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư này.

2. Giáo viên mầm non được tuyển dụng, tiếp nhận, thay đổi vị trí việc làm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Đối với giáo viên mầm non được tuyển dụng, tiếp nhận, thay đổi vị trí việc làm sang vị trí việc làm giáo viên mầm non kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực

thi hành:

a) Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này thì được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

b) Trường hợp chưa có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non có hiệu lực thi hành;

c) Sau 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non có hiệu lực thi hành thì phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định.

4. Các trường hợp thuộc đối tượng tuyển dụng, tiếp nhận, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non theo đề án, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

Việc xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương đối với giáo viên mầm non thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nhiệm vụ theo từng hạng của chức danh giáo viên mầm non quy định tại Điều 3 Thông tư này là những công việc giáo viên mầm non thực hiện sau khi được bổ nhiệm chức danh ở hạng tương ứng và trong suốt thời gian giữ hạng theo phân công của hiệu trưởng. Hiệu trưởng có thể phân công giáo viên thực hiện nhiệm vụ của hạng cao hơn nếu giáo viên có khả năng thực hiện.

2. Đối với những nhiệm vụ mà cơ sở giáo dục mầm non không được giao hoặc không đủ điều kiện thực hiện thì hiệu trưởng quyết định việc quy đổi sang các nhiệm vụ khác có liên quan để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này; xây dựng kế hoạch



đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2. Người đứng đầu cơ sở giáo dục mầm non căn cứ chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non:

a) Bố trí, phân công, giao nhiệm vụ cho giáo viên mầm non và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí việc làm tương ứng với chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Tham mưu với cơ quan có thẩm quyền quản lý về công tác quản lý, phát triển giáo viên mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2. Việc đánh giá giáo viên mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non tiếp tục được thực hiện cho đến hết năm học 2025 - 2026.

3. Quyết định lựa chọn, phê duyệt danh sách giáo viên mầm non cốt cán của cấp có thẩm quyền tiếp tục có hiệu lực thi hành; hoạt động, chế độ, chính sách (nếu có) đối với giáo viên mầm non cốt cán tiếp tục được thực hiện cho đến khi có quy định mới. Trong trường hợp đặc biệt, cần thiết phải bổ sung đội ngũ giáo viên mầm non cốt cán, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

4. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ các thông tư sau kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

b) Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 10 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

c) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

6. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 3 Điều 10;
- Công báo;
- Cổng PLQG; CDLQG về DLPL;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thường